

Bản án số: 15/2024/DS-PT

Ngày: 29/8/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tỷ;

Các Thẩm phán: Ông Hà Việt Toàn và Ông Vũ Văn Thuận;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 05/6/2024 của TAND huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum bị kháng nghị và kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A – Sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Bùi Thiên A (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, ngõ A, phố P, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê Anh N – Luật sư Công ty L – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số E, ngõ A, phố P, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Y H – Sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Phan Khắc S (có mặt)

Địa chỉ: K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Nguyễn Quốc P – Văn phòng L1 – Đoàn Luật sư Thành phố H. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, đường A - KP7, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng VKSND tỉnh Kon Tum.

- Người kháng cáo: Chị Y H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A trình bày: Từ tháng 8 năm 2022 đến tháng 4 năm 2023 chị Y H đã mượn tiền từ chị Vân A nhiều lần với tổng số tiền là 5.820.250.000 đồng. Chị Y H đã trả cho chị Vân A qua tài khoản Ngân hàng nhiều lần với tổng số tiền là 3.538.250.000 đồng. Như vậy, chị Y H còn nợ chị Vân A là 2.284.000.000 đồng đúng với giấy chị Y H ghi nợ ngày 15/4/2023 (chị H sửa lại ngày 13/4/2023). Chị Nguyễn Thị Vân A khởi kiện yêu cầu chị Y H phải trả số tiền 2.284.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày cuối hàng tháng chị Y H mượn cho đến khi trả hết nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tính đến ngày 13/5/2024 tiền lãi là 806.211.744 đồng và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Về việc chuyển nhượng đất: Chị Y H cho rằng vợ chồng chị Vân A ép buộc chị Y H chuyển nhượng thửa đất của bà Y P1 (mẹ của chị Y H) và đã trừ số tiền 1.400.000.000 đồng tiền đã mượn là không đúng sự thật. Vì vợ chồng chị Vân A thống nhất nhận chuyển nhượng thửa đất của chị Y P1 với giá 1.400.000.000 đồng mới trả tiền đặt cọc 1.000.000.000 đồng và giao kết sau 45 ngày bà Y P1 có nghĩa vụ mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Y P1 để lập hợp đồng có chứng thực của UBND thị trấn Đ thì vợ chồng chị Vân A trả tiếp số tiền 400.000.000 đồng còn lại nhưng đến nay bà Y P1 chưa thực hiện được cam kết. Do đó việc vợ chồng chị Vân A nhận chuyển nhượng thửa đất của bà Y P1 không liên quan đến việc vay mượn với chị Y H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ 2.404.000.000 đồng (bổ sung thêm 02 khoản tiền vay sau ngày 13/4/2022 là vào ngày 17/4/2022 vay 200.000.000 đồng và ngày 25/4/2022 vay 30.000.000 đồng) và tiền lãi tính đến khi xét xử sơ thẩm là 372.297.000 đồng.

- Bị đơn chị Y H trình bày: Chị Y H đã nhiều lần vay của chị Vân A số tiền là 3.480.000.000 đồng và đã trả cho chị Vân A số tiền thông qua chuyển khoản là 3.538.250.000 đồng. Như vậy, chị Y H đã trả thừa tiền cho chị Vân A.

Do việc làm ăn khó khăn nên chị Y H đã vay của chị Vân A với lãi suất

5000đ/ ngày/1 triệu. Trong thời gian đó chị **Y H** có chuyển trả và mượn lại nhiều lần, chỉ một thời gian ngắn số nợ tăng nhanh mặc dù chị **Y H** vẫn trả nợ hàng tháng. Từ trước Tết 2023 đến 19/01/2023, trong vòng 04 tháng chị **Y H** đã chuyển 2.638.250.000.000 đồng trong khi chị **Vân A** cho chị **Y H** vay 3.010.000.000 đồng. Ngày 06/2/2023, chị **Vân A** vẫn tính chị **Y H** còn nợ 2.750.000.000 đồng là không đúng.

Chị **Vân A** nhiều lần đến nhà đòi nợ và có đề nghị chị **Y H** sang nhượng đất. Vào ngày 13/04/2023, hai bên tiến hành làm hợp đồng dân sự với nội dung chuyển quyền sử dụng đất của mẹ chị **Y H** là bà **Y P1** với giá chuyển nhượng 1400.000.000 đồng. Chị **Vân A** đã trừ trực tiếp số tiền 1400.000.000 đồng này vào tiền nợ sau khi chị cộng gốc và tiền lãi. Lúc đó tổng số tiền nợ là: 3.685.000.000 đồng. Số nợ còn lại: $3.685.000.000 - 1.400.000.000 = 2.285.000.000$ đồng. Sau khi trừ và chốt số còn lại là: 2.285.000.000 đồng. Đồng thời, đề nghị chị **Y H** ghi giấy nợ với số tiền còn nợ là: 2.284.000.000 đồng.

Tại Đơn yêu cầu phân tố đề ngày 18/3/2024 chị **Y H** trình bày sau khi tính lại, trừ đi lãi suất thì chị **H** chỉ còn nợ chị **Vân A** 1.580.000.000 đồng, chưa trừ đi khoản tiền 1.400.000.000 đồng chị **Vân A** siết lô đất của mẹ chị **Y H** là bà **Y P1**. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thừa nhận và chốt số liệu: Tính từ 30/8/2022 đến 29/7/2023, chị **Vân A** đã chuyển cho chị **Y H** 4.287.000.000 đồng, chị **Y H** chuyển trả cho chị **Vân A** 3.992.750.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có nhận tiền mặt từ **Vân A** vào khoảng tháng 5,6,7/2022, số tiền khoảng 90 đến 100 triệu và nhận 250 triệu vào khoảng tháng 3 năm 2022.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án số dân sự sơ thẩm số 13/2024/DSST ngày 05/06/2024 của TAND huyện Đắk Tô, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 280; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Vân A**.

Buộc chị **Y H** phải trả cho chị **Nguyễn Thị Vân A** số tiền tổng cộng là: 2.478.139.996 (*Hai tỷ bốn trăm bảy tám triệu, một trăm ba chín nghìn, chín trăm chín mươi sáu*) đồng. Trong đó nợ gốc 2.284.000.000 đồng; nợ lãi 194.139.996 đồng

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong trường hợp bản án sơ thẩm được thi hành theo Luật thi hành án dân sự.

* Ngày 19/6/2024 bị đơn chị **Y H** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Ngày 04/7/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành kháng nghị số 227/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn **Y H**; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DSST ngày 05/06/2024 của TAND huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum được lập đúng theo thủ tục và trong hạn luật định, nên được HĐXX xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm số tiền 84.000.000 đồng trừ vào tiền gốc và toàn bộ tiền lãi; bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vì vậy, tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và kháng cáo của bị đơn **Y H**:

Tại Quyết định kháng nghị và đơn kháng cáo của bị đơn chị **Y H** kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Thấy rằng: Theo lời khai của nguyên đơn **Nguyễn Thị Vân A** thì từ tháng 8/2022 đến tháng 4/2023 giữa chị **Vân A** và bị đơn **Y H** có vay mượn nhiều lần qua tài khoản ngân hàng và tiền mặt, hai bên đã chốt nợ vào ngày 13/4/2023 chị **H** còn nợ chị **Vân A** là 2.284.000.000 đồng. Tại phiên tòa các đương sự thừa nhận số tiền chị **Vân A** chuyển khoản cho chị **Y H** tính từ 30/8/2022 đến

29/7/2023 là 4.287.000.000 đồng, chị **Y H** chuyển trả cho **Vân A** 3.538.250.000 đồng. Đây là chứng cứ không phải chứng minh. Cấp sơ thẩm đã xác minh tại **Ngân hàng N1** thì **Y H** có chuyển một khoản là 454.500.000 đồng cho **Vân A** vào ngày 31/8/2022 nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận cộng khoản tiền này vào số tiền chị **Y H** đã trả cho chị **Vân A** tổng số tiền 3.992.750.000 đồng là phù hợp và có căn cứ.

Tính từ ngày 30/8/2022 đến ngày viết giấy mượn tiền 13/4/2023 thì **Vân A** chuyển cho **Y H** 4.057.000.000 đồng, **Y H** chuyển cho **Vân A** 3.882.750.000 đồng (căn cứ vào các bản sao kê ngân hàng trừ đi các khoản tiền sau ngày 13/4/2023). Như vậy, căn cứ tài liệu chuyển khoản thì chị **Y H** vẫn còn nợ **Vân A** 174.250.000 đồng.

Ngoài ra, đối với số tiền nhận tiền mặt các bên không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại bút lục 376 chị **Vân A** khai: “Có lần tôi chuyển khoản, có lần tôi đưa tiền mặt”; Tại bút lục 388 biên bản làm việc tại **Công an huyện Đ** chị **Vân A** khai: “Số tiền vay qua chuyển khoản là 4.289.000.000 đồng, số tiền vay tiền mặt là 1.100.000.000 đồng. Hiện chị **Y H** đã trả 3.538.250.000 đồng”. Tại bút lục 428 chị **Y H** thừa nhận có nhận tiền mặt từ **Vân A** nhưng rất ít và trước thời điểm tháng 8/2022. Cụ thể: “Khoảng tháng 5, 6, 7 năm 2022, có nhận tiền mặt với số tiền khoảng 90.000.000 đồng hay 100.000.000 đồng. Một lần nữa là vào khoảng tháng 3, nhận tiền mặt từ chị **Vân A** là 250.000.000 đồng”. Như vậy, rõ ràng giữa các bên có quan hệ vay mượn nhiều lần cả chuyển khoản và tiền mặt là có thật. Nên hai bên đã tự nguyện thống nhất chốt nợ bằng giấy mượn tiền ngày 13/4/2023 với số tiền còn lại chị **Y H** nợ chị **Vân A** là 2.284.000.000 đồng. Tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm chị **Y H** không nhớ các lần cụ thể. Tại thời điểm viết giấy chị **Y H** có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện viết và ký vào giấy mượn tiền ngày 13/4/2023 hoàn toàn không bị ép buộc.

Đối với số tiền chị **Y H** cho rằng bị ép buộc cần trừ lô đất với giá trị 1.400.000.000 đồng của mẹ là bà **Y P1** thì qua lời khai của người làm chứng do chính chị **Y H** yêu cầu đều khẳng định các bên tự nguyện ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nhau tại nhà bà **Y P1**, không thấy có việc ép buộc. Chị **Y H** không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, việc chuyển nhượng diện tích đất giữa bà **Y P1** và vợ chồng nguyên đơn không liên quan đến vụ án này.

Cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 2.284.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Vân A** tự nguyện giảm số tiền 84.000.000 đồng trừ vào tiền gốc và toàn bộ tiền lãi. Chi

yêu cầu bị đơn chi **Y H** trả tổng số tiền gốc là 2.200.000.000 đồng. Xét việc giảm số tiền gốc và toàn bộ tiền lãi của nguyên đơn chi **Vân A** là hoàn toàn tự nguyện nên được HĐXX xem xét.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum và một phần kháng cáo của bị đơn **Y H** – Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DSST ngày 05/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

[3] Về án phí: Đơn kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm tính lại án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn **Y H** theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chi **Y H**.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DSST ngày 05/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 280; Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” của nguyên đơn chi **Nguyễn Thị Vân A**.

Buộc chi **Y H** phải trả cho chi **Nguyễn Thị Vân A** tổng số tiền là: 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu).

- **Về nghĩa vụ chậm thi hành án:** Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành mà bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, cho đến khi thi hành án xong số tiền trên.

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 6, Điều 18, Điều 19, khoản 1 Điều 24, Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chi **Y H** phải nộp 76.000.000 đồng (*Bảy mươi sáu triệu*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001615 ngày 20/6/2024 của Chi cục thi hành án

dân sự huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum. Chị **Y H** còn phải nộp số tiền án phí là 75.700.000 đồng (*Bảy mươi lăm triệu bảy trăm nghìn*).

Buộc chị **Nguyễn Thị Vân A** phải nộp số tiền án phí là 8.907.850 đồng nhưng được trừ vào số tiền 38.840.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001564 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Tô. Trả lại cho chị **Nguyễn Thị Vân A** 29.932.150 đồng (*Hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi hai nghìn, một trăm năm mươi*) theo biên lai thu tiền nêu trên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh KT;
- TAND huyện;
- CC THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tỷ

